

VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN TRONG KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA CƯ DÂN VEN BIỂN HUYỆN NGHĨA HUNG, TỈNH NAM ĐỊNH

NGUYỄN THỊ HÒA

Tóm tắt: Huyện Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Định) có diện tích tự nhiên 258,89 km², có 12 km đường bờ biển, chạy dọc theo bờ biển là hàng trăm héc ta cói, hàng nghìn héc ta sú vẹt, đầm nuôi trồng hải sản và 50 ha đồng muối. Sinh kế của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng phụ thuộc rất nhiều vào môi trường tự nhiên. Những hoạt động sinh kế ven biển như: nông nghiệp, diêm nghiệp, khai thác và nuôi trồng thủy sản (NTTS) đã góp phần đảm bảo an ninh lương thực và phát triển kinh tế cho địa phương. Thông qua hoạt động sinh kế của cư dân ven biển Nghĩa Hưng, có thể thấy được văn hóa ứng xử của người dân với môi trường tự nhiên ven biển. Trong khuôn khổ bài báo, tác giả nghiên cứu thực trạng khai thác và NTTS, thực trạng văn hóa ứng xử thể hiện trong hoạt động tận dụng và thích ứng với môi trường tự nhiên, từ đó đề xuất một số giải pháp định hướng hành vi ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế cho cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng.

Từ khóa: văn hóa ứng xử, môi trường tự nhiên, dân cư ven biển, huyện Nghĩa Hưng

BIHAVIORAL CULTURE TO THE NATURAL ENVIRONMENT IN EXPLOITATION AND AQUACULTURE OF COASTAL RESIDENTS NGHIA HUNG DISTRICT, NAM DINH PROVINCE

Abstract: Nghia Hung district, Nam Dinh province has a natural area of 258,89 km², has 12 km of coastline, running along the coast are hundreds of hectares of sedges, thousands of hectares of parrots, aquaculture lagoons and 50 hectares of salt fields. The livelihood of coastal residents in Nghia Hung district depends a lot on the natural environment. The livelihood activities of coastal residents such as agriculture, salt production, mining and aquaculture have contributed to ensuring food security and economic development for the locality. Through the livelihood activities of the coastal residents of Nghia Hung, the culture and behavior of the people with the natural coastal environment here. In the the article, the current status of fishing and aquaculture, the status of cultural behavior shown in the activities of utilizing and adapting to the natural environment and proposes some recommendations for behavior orientation solutions suitable to the natural environment in livelihood activities for coastal residents in Nghia Hung.

Keywords: Behavioral culture, natural environment, coastal residents, Nghia Hung district

1. Đặt vấn đề

Tài nguyên biển của Việt Nam đang bị khai thác thiếu bền vững, nhiều loài sinh vật biển đã bị khai thác quá mức dẫn đến giảm cả về sản lượng và chất lượng. Theo thống kê của Bộ Tài

nguyên và Môi trường, giai đoạn 2016 - 2020 ước tính có tới 40 - 60% cỏ biển, 70% rừng ngập mặn và khoảng 11% các rạn san hô đã bị phá hủy hoàn toàn, không có khả năng tự phục hồi [3]; khoảng 80% lượng cá trên các vùng biển ven bờ và ngoài

khởi đã bị khai thác, trong đó, hơn 25% lượng cá bị khai thác quá mức hoặc cạn kiệt [2].

Nghĩa Hưng là huyện đồng bằng ven biển nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Nam Định với diện tích tự nhiên 258,89 km², dân số 184.645 người (năm 2022). Điểm nổi bật trong điều kiện tự nhiên của huyện là địa hình bằng phẳng với 12 km đường bờ biển, được bố trí để trồng cói, sù vẹt và nuôi trồng thủy sản (NTTS). Trong thời gian qua, cùng với sự nỗ lực của chính quyền và người dân, huyện Nghĩa Hưng đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017, hoàn thành sớm hơn 2 năm so với mục tiêu. Kết quả của quá trình xây dựng nông thôn mới đã góp phần cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng và nâng cao mức sống dân cư [1].

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu khả quan, tuy nhiên, trong bối cảnh sự gia tăng của các hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu, cùng với sức ép về dân số và các hoạt động khai thác quá mức làm sụt giảm tài nguyên thiên nhiên từ biển đã làm cho sinh kế của cư dân phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Do đó, cần thiết phải có những giải pháp tổng thể để vừa đảm bảo phát triển sinh kế gắn với bảo tồn tài nguyên, bảo vệ các nguồn lợi tự nhiên từ biển hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Góp phần làm rõ những vấn đề nêu trên, bài viết tập trung phân tích thực trạng khai thác và NTTS, văn hóa ứng xử thể hiện trong hoạt động tận dụng và thích ứng với môi trường tự nhiên. Theo đó, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên được hiểu là nhận thức và hành vi của người dân làm nghề khai thác/NTTS ven biển huyện Nghĩa Hưng đối với tài nguyên thiên nhiên ven biển hiện nay. Trên cơ sở phân tích thực trạng khai thác và NTTS với cách tiếp cận về văn hóa ứng xử của người dân với môi trường tự nhiên, tác giả đề xuất một số giải pháp định

hướng hành vi ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế cho cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Để phân tích các nội dung có liên quan đến văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên trong khai thác và NTTS của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, bài viết sử dụng các tài liệu, số liệu từ: (i) các công trình công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành của trường Đại học Sư phạm Hà Nội; (ii) các báo cáo và niên giám thống kê của huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; (iii) dữ liệu khảo sát thực tế của đề tài theo Hợp đồng số 02/HĐKH-ĐLNV ngày 19/01/2023 của Viện Địa lý nhân văn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, tiến hành phân tích, tổng hợp các nội dung liên quan đến thực trạng văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng.

Phương pháp xử lý số liệu sơ cấp thu thập được trong quá trình khảo sát thực địa. Khảo sát được thực hiện trên 120 khách thể có hoạt động sinh kế là khai thác và NTTS trên địa bàn nghiên cứu; số liệu thu được được nhập và xử lý trên phần mềm SPSS 20.0.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng khai thác và nuôi trồng thủy sản ở huyện Nghĩa Hưng

Cùng với tiềm năng về biển, huyện Nghĩa Hưng đã hình thành các hoạt động sinh kế gắn với biển, trong đó, tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế như: khai thác tài nguyên biển, vùng ven biển, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

Năm 2022, tổng diện tích NTTS toàn huyện là 1.845 ha; sản lượng thủy sản ước đạt 33.540 tấn, trong đó nuôi trồng 20.000 tấn, khai thác 13.540 tấn [8].

Bảng 1. Diện tích NTTS và sản lượng thủy sản của huyện Nghĩa Hưng

Năm	Tổng diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)		
		Tổng	Nuôi trồng	Khai thác
2020	2.450	42.750	22.160	20.590
2021	2.420	41.890	23.440	18.450
2022	1.845	33.540	20.000	13.540

Nguồn: Báo cáo phát triển KT-XH của huyện Nghĩa Hưng (các năm 2020, 2021, 2022)

Diện tích NTTS trên địa bàn huyện đang có xu hướng giảm, kéo theo sản lượng NTTS cũng giảm từ 22.160 tấn năm 2020 xuống còn 20.000 tấn năm 2022. Tương tự, sản lượng khai thác tự nhiên giảm từ 20.590 tấn năm 2020 xuống còn 13.540 tấn năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu sản lượng suy giảm cả khai thác và nuôi trồng là do thực hiện nghiêm túc và hiệu quả chủ trương giảm đánh bắt, khai thác tự nhiên của chính quyền địa phương.

3.2. Văn hóa ứng xử trong hoạt động tận dụng và thích ứng với môi trường tự nhiên

Về nhận thức của người dân trong văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên: đối với những người dân sinh sống ở ven biển, tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa rất quan trọng, nền tảng hình thành sinh kế và sự phát triển kinh tế của các gia đình. Kết quả khảo sát người dân ven biển huyện Nghĩa Hưng cho thấy, có tới 95% số người trả lời tham gia khảo sát cho rằng tài nguyên thiên nhiên ven biển có vai trò rất quan trọng; 5% còn lại cho rằng khá quan trọng. Kết quả phỏng vấn sâu cũng khẳng định tính quyết định của biển đối với hoạt động sinh kế.

“Điều kiện tự nhiên giữ vai trò rất quan trọng, quyết định đến sinh kế của gia đình tôi.

Trong 10 năm qua, điều kiện môi trường có nhiều thay đổi, nhất là khi các nhà máy công nghiệp được xây dựng, chất thải đổ thẳng ra biển và ven biển không qua xử lý nên gây ô nhiễm môi trường, ngao bị chết không thả nuôi được”. PVS nữ, 51 tuổi, khai thác thủy sản.

Trong số những người tham gia khảo sát có 86,7% trả lời rằng gia đình có khai thác/sử dụng tài nguyên thiên nhiên, 13,3% cho rằng gia đình mình không sử dụng. Tuy nhiên, trên thực tế 100% các hộ gia đình tham gia khảo sát đều có hoạt động sinh kế là khai thác hoặc NTTS.

Những nguồn tài nguyên thiên nhiên ven biển đang được các hộ gia đình khai thác/sử dụng bao gồm: đất đai (đồng ruộng, bãi bồi, bãi triều ven biển); nguồn nước (sông, đầm, kênh...); rừng ngập mặn và các sinh cảnh đất ngập nước (lầy cùi, nuôi tôm...); nguồn lợi thủy sản (cá, tôm...). Kết quả thu nhận từ khảo sát: tỷ lệ các hộ gia đình khai thác/sử dụng tài nguyên “Nguồn lợi thủy sản” là cao nhất, chiếm 58,7%; khai thác/sử dụng “Đất đai” chiếm 56,7%; khai thác/sử dụng “Nguồn nước” chiếm 47,1% và chỉ 1% là khai thác/sử dụng “Rừng ngập mặn và các sinh cảnh đất ngập nước” (Bảng 2).

Bảng 2: Thực trạng khai thác/sử dụng tài nguyên thiên nhiên ven biển

Nội dung	Tỷ lệ (%)
Có khai thác/sử dụng tài nguyên thiên nhiên ven biển không	
Có	86,7
Không	13,3

Nếu có, đó là những nguồn tài nguyên thiên nhiên nào	
Đất đai	56,7
Nguồn nước	47,1
Rừng ngập mặn và các sinh cảnh đất ngập nước	1,0
Nguồn lợi thủy sản	58,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả, 2023

Kết quả khảo sát nhận thức về trách nhiệm bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên ven biển cho thấy: phần lớn người dân (91,7%) được hỏi đều cho rằng trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ven biển là của cả người dân và chính quyền; chỉ có khoảng gần 9% cho rằng trách nhiệm của một chủ thể đó là Nhà nước, chính quyền địa phương hoặc người dân (trong đó, 3,3% số người được hỏi trả lời là trách nhiệm của Nhà nước, 2,5% số người được hỏi trả lời là trách nhiệm của chính quyền địa phương và 2,2% số người được hỏi trả lời là trách nhiệm của người dân). Cùng với đó, có 98,3% số người được hỏi cho biết vai trò của người dân đối với tài nguyên thiên nhiên ven biển là vừa khai thác, sử dụng, vừa quản lý bảo vệ. Kết quả trên cho thấy, người dân ven biển có nhận thức tốt về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và có vai trò, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ven biển gắn với loại hình sinh kế chủ yếu của hộ gia đình.

Về hành vi thực tế: 2/3 số người tham gia khảo sát có loại hình sinh kế NTTS không sử dụng thuốc kháng sinh để phòng/chữa bệnh cho thủy sản, chiếm 68,3%; 1/3 số người còn lại cho biết có sử dụng thuốc kháng sinh để phòng/chữa bệnh cho thủy sản (Bảng 3).

Kết quả phỏng vấn sâu hộ dân NTTS giải thích rằng nếu không sử dụng kháng sinh thì vật nuôi sẽ dễ bị bệnh chết hàng loạt gây thiệt hại lớn; việc sử dụng kháng sinh nếu tuân thủ đầy đủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất về thời gian cách ly và liều lượng cũng không gây ra nguy hiểm gì cho người sử dụng và môi trường. Tuy nhiên,

thực tế tại địa điểm khảo sát, phần lớn các hộ dân sử dụng phương thức nuôi thâm canh, sử dụng thuốc kháng sinh và các chế phẩm sinh học, hóa chất để cải tạo môi trường nuôi. Mức độ sử dụng thuốc kháng sinh, hóa chất càng tăng khi mức độ thâm canh càng nhiều. Hơn nữa, người dân cho biết khi thủy sản đủ trưởng thành sẽ được thương lái đến mua, thông thường nuôi đến đâu bán đến đó không qua kiểm định, chứng nhận.

“Đã nuôi trồng thì phải sử dụng kháng sinh. Gia đình tôi chỉ dùng để phòng hoặc chữa lúc tôm cá bị bệnh hoặc vào đợt dịch bệnh thôi và cũng tuân thủ chặt chẽ hướng dẫn về liều lượng, về cách ly bao nhiêu ngày mới được thu hoạch chứ không phải là dùng bừa bãi. Thế nên là an toàn thôi, không có gì đáng ngại cả”. PVS nam, 54 tuổi, NTTS.

Việc sử dụng hóa chất để cải tạo môi trường nuôi gây ảnh hưởng đến chất lượng đất trong ao nuôi, chất lượng nước khi thải ra ngoài môi trường. Đặc biệt là ở những vùng NTTS không có quy hoạch hệ thống cấp, thoát nước riêng, nước cấp cho vùng NTTS thường dùng chung với hệ thống thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Nước thải sau nuôi không được xử lý, thải chung vào hệ thống kênh mương dẫn đến chất lượng nước vùng NTTS bị ô nhiễm, có thể ảnh hưởng đến các hoạt động sinh hoạt của người dân và làm lây lan dịch bệnh.

Còn đối với những người làm nghề khai thác biển thì kinh nghiệm ông cha để lại đóng một vai trò rất quan trọng, quyết định đến thời điểm khai thác. Mùa xuân là mùa cá nở, nhiều cá con do

đó không nên đi biển. Mùa thu có xoáy biển, cá tụ lại theo xoáy nên chính là mùa đánh bắt cá tốt nhất trong năm. Nếu trời có gió nam thì cũng không nên đi đánh bắt cá. Đó là những kinh nghiệm quý giá được truyền lại cho những người dân làm nghề đi biển.

Hiện nay, dưới sự phát triển của khoa học công nghệ, người dân không đi đánh bắt theo mùa như kinh nghiệm xưa mà có thể đi quanh năm, chỉ không đi khi sóng biển cao từ 1 - 1,2 m trở lên, đó là lúc có bão. Trong quá trình khai thác có nhiều thiết bị hỗ trợ để tìm luồng cá như máy dò cá, phương tiện kỹ thuật hiện đại cũng giúp ngư dân đánh bắt xa bờ, nơi có nhiều tôm

cá hơn chứ không chỉ đánh bắt ở gần bờ như trước đây. Chính vì vậy, nếu trước đây có những ngày ra khơi không thu được cá phải quay về thì hiện nay đã ra khơi là thu hoạch được sản lượng cá lớn. Về kích thước của lưới bắt cá, trước đây chủ yếu là đo ướm tương đối, hiện nay đã có kích thước chuẩn và rất nhiều loại phù hợp với các loại cá khác nhau. Khoảng cách giữa các mắt lưới được thiết kế gần nhau hơn giúp đánh bắt được nhiều cá hơn.

Kết quả khảo sát về biện pháp bảo vệ nguồn lợi tự nhiên của người dân cho thấy có 28,3% số người trả lời cho biết là có; 71,7% trả lời rằng không (Bảng 3).

Bảng 3. Hành vi thực tế của người dân ven biển trong khai thác/NTTS

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có sử dụng kháng sinh trong phòng/chữa bệnh cho vật nuôi		
Có	38	31,7
Không	82	68,3
Có áp dụng biện pháp để bảo vệ nguồn lợi tự nhiên (đất, nước, thủy sản...)		
Có	34	28,3
Không	86	71,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả, 2023

Phần lớn người dân có hành vi tận dụng chứ chưa có nhiều hành vi giữ gìn và bảo vệ các nguồn lợi tự nhiên. Các hành vi giữ gìn và bảo vệ các nguồn lợi tự nhiên chỉ dừng lại ở việc chọn thời điểm lấy nước khi nguồn nước đủ sạch (theo cảm quan); đảm bảo đủ thời gian cách ly của thuốc kháng sinh, hóa chất làm sạch ao... mới xuất bán hoặc xả nước ra môi trường; giữ gìn vệ sinh môi trường nói chung... Đối với những người đi đánh bắt cá ngoài khơi thì việc giữ gìn và bảo vệ nguồn cá tự nhiên được cho rằng đã dùng lưới mắt vừa phải đúng theo tiêu chuẩn quy định của địa phương, không sử dụng lưới mắt quá nhỏ để bảo vệ cá bé.

Như vậy, có thể thấy rằng, giữa nhận thức và hành vi ứng xử với môi trường tự nhiên trên thực

tế của người dân trong khai thác/NTTS chưa nhất quán. Vấn đề này có thể xuất phát từ nhiều lý do như:

- Người nông dân chưa nhận thức đầy đủ về sự cần thiết của các yêu cầu đối với hoạt động NTTS, họ trả lời theo các mong đợi của xã hội nên phần nhận thức thể hiện tốt nhưng phần hành vi lại chưa tốt.

- Người nông dân chưa từ bỏ được một số thói quen trong khai thác/NTTS theo tư duy cũ, không còn phù hợp, chưa tập quen với những hành vi khai thác/NTTS theo yêu cầu mới, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cho vật nuôi theo các tiêu chuẩn quy định.

- Do tâm lý chung là đặt sản lượng khai thác/nuôi trồng lên trên để đạt được lợi ích kinh

tế nên người dân có thể dù biết là không nên làm nhưng vẫn thực hiện.

- Do điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất chưa đủ để người dân khai thác/NTTS có thể đảm bảo tuân thủ quy trình sạch.

3.3. Giải pháp định hướng hành vi ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế cho cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng

Với thực trạng về mâu thuẫn giữa nhận thức và hành vi ứng xử với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế khai thác/NTTS của người dân ven biển huyện Nghĩa Hưng, cần thiết phải triển khai các giải pháp để đảm bảo tính đồng bộ giữa nhận thức và hành vi ứng xử của người dân hướng đến mục tiêu vừa tận dụng, vừa phục hồi, vừa bảo vệ bền vững nguồn lực sinh kế của dân cư. Trong đó, tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

- Giải pháp tuyên truyền, tập huấn

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức của người dân về khai thác/NTTS theo hướng an toàn vẫn còn nhiều hạn chế và chưa có sự nhất quán trong nhận thức và hành vi khai thác/NTTS của người dân ven biển huyện Nghĩa Hưng.

Chính vì vậy việc tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, sự hiểu biết của người dân về khai thác/NTTS theo hướng an toàn, hiện đại, bền vững giữ vai trò quan trọng.

Từ thay đổi nhận thức hướng đến thay đổi hành vi và ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trong khai thác/NTTS an toàn, có những hành vi ứng xử phù hợp hơn với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế của gia đình mình.

- Giải pháp về chính sách

Nhà nước cần xây dựng cơ chế, chính sách thỏa đáng để huy động, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào khai thác/NTTS theo hướng bền vững. Thực tế cho thấy, những hoạt động này chủ yếu theo quy mô hộ gia đình nhỏ

lẻ, công nghệ lạc hậu dẫn đến khó bắt nhịp với sự phát triển. Nhà nước nên có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khai thác/NTTS, tham gia xây dựng những vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Ngoài ra, Nhà nước nên củng cố khung pháp lý cho các doanh nghiệp xuất khẩu, chế biến thủy sản, có cơ chế khuyến khích hình thành các cơ sở chế biến thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, trước tiên là ưu tiên về quỹ đất, về quy hoạch các cụm công nghiệp tập trung, về cơ chế cho vay vốn, tiếp cận trang thiết bị và công nghệ hiện đại.

- Giải pháp về tài chính

Cần có chính sách hỗ trợ về tài chính, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với những người dân khai thác/NTTS. Giá bán thủy sản thời gian qua bị giảm mạnh, chỉ ngang bằng với giá thành sản xuất khiến các hộ gia đình khai thác/NTTS gặp nhiều khó khăn. Nguyên vọng của người dân là được nâng hạn mức cho vay và thời gian vay vốn, giảm lãi suất cho vay để yên tâm đầu tư cho sản xuất, nâng cao hiệu quả và thu nhập.

Bên cạnh đó, có chính sách hỗ trợ rủi ro cho những thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh xảy ra trong quá trình khai thác/NTTS để giúp người dân giảm bớt những khó khăn.

- Giải pháp về quy hoạch, quản lý

Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch khai thác/NTTS ở Nghĩa Hưng vẫn còn một số bất cập, chưa phù hợp với thực tế và chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển. Tính khả thi của một số quy hoạch chưa cao, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý và quá trình khai thác/NTTS.

Vì vậy, cần thiết phải có sự điều chỉnh, bổ sung hoặc làm mới các quy hoạch khai thác/NTTS để công tác quản lý được thực hiện tốt hơn. Công tác quy hoạch cần dựa trên cơ sở phân vùng sinh thái, phát triển hạ tầng kỹ thuật

cấp thoát nước và xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tự nhiên, ngăn ngừa dịch bệnh và đảm bảo các quy chuẩn quy định trong khai thác/NTTS.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với khai thác/NTTS như: tăng cường giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, luật lệ, các tiêu chuẩn về kỹ thuật và công nghệ, môi trường thông qua việc tổ chức các hình thức tự quản lý, tăng cường đội ngũ thanh tra và hệ thống quan trắc NTTS; tăng cường giám sát môi trường và quản lý dịch bệnh; hoàn thiện các chế tài xử lý vi phạm và kiên quyết xử lý khi có vi phạm; áp dụng và thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu cho hoạt động khai thác/NTTS; tăng cường phối hợp đồng bộ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát công tác khai thác/NTTS với các lĩnh vực hoạt động khác của kinh tế nông nghiệp nông thôn ở địa phương.

4. Kết luận

Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng được thể hiện qua nhận thức và hành vi thực tế của người dân trong khai thác/NTTS. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy sự chưa nhất quán giữa nhận thức và hành vi ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân do các nguyên nhân chủ yếu: nhận thức của người dân chưa thực sự đầy đủ; người dân chưa quen với những hành vi khai thác/NTTS theo quy chuẩn của Nhà nước, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cho vật nuôi; do lợi ích kinh tế và do điều kiện cơ sở vật chất chưa đủ để tiến hành khai thác/NTTS sạch/an toàn/thông minh. Để định hướng khai thác/NTTS đảm bảo tính bền vững cần thiết triển khai đồng bộ các giải pháp về tuyên truyền, tập huấn; tài chính; chính sách; giải pháp về quy hoạch và giải pháp về quản lý./.

Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở: “Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định: Nhìn từ hoạt động sinh kế”, theo hợp đồng số 02/HĐKH-ĐLNV ngày 19 tháng 01 năm 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cổng thông tin điện tử huyện Nghĩa Hưng, <https://nghiahung.namdinh.gov.vn/gioi-thieu>, truy cập ngày 30/4/2023.
2. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam (2021) *Để không có những vùng biển chết trong tương lai*: <https://dangcongsan.vn/bien-dao-viet-nam...> truy cập ngày 30/4/2023.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Công bố báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016-2020*.
4. Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định (2021), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022*.
5. Trần Thị Hồng Nhung (2018), *Phát triển sinh kế nông nghiệp tại khu vực ven biển tỉnh Nam Định theo hướng bền vững*, Tạp chí khoa học HNUE, Khoa học xã hội, Vol.63, Iss.1, pp.121-132
6. UBND huyện Nghĩa Hưng (2020), *Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 15/9/2020 về Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2021*.
7. UBND huyện Nghĩa Hưng (2021), *Báo cáo số 398/BC-UBND ngày 14/12/2021 về Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2022*.
8. UBND huyện Nghĩa Hưng (2022), *Báo cáo số 479/BC-UBND ngày 14/12/2022 về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2023*.
9. UBND tỉnh Nam Định (2020), *Kế hoạch Triển khai Đề án hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định đến năm 2030*.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thị Hòa - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ: 176 phố Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: nguyenhhoa.iesd@gmail.com; Điện thoại: 090 2069066

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 05/9/2023
Biên tập: 9/2023